

Bản án số: 499/2024/DS-ST  
Ngày: 14 - 8 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quân;

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Quang là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 793/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 771/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1035/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T2 (Việt Nam); Trụ sở: 91 đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thùy D; Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền lập ngày 05 tháng 9 năm 2023) - Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc T; Địa chỉ: 3 Quốc lộ A, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của Công ty T2 (Việt Nam) và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 18/10/2021, Công ty T2 (Việt Nam) - sau đây gọi tắt là Công ty T2, ký Hợp đồng tín dụng số: 2548668 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Trần Ngọc T với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng, lãi suất 39%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T2 đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Trần Ngọc T. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Trần Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 1.939.513 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 15/11/2021 đến ngày 15/10/2023. Sau khi được giải ngân, ông T thanh toán được 10 kỳ với tổng số tiền gốc và lãi là 19.514.926 đồng (trong đó, gốc là: 10.626.169 đồng, lãi và phí là: 8.888.757 đồng). Từ ngày 14/8/2022 ông Trần

Ngọc T đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T2 đã giải ngân. Công ty T2 đã liên hệ yêu cầu ông Trần Ngọc T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nhưng ông T không thực hiện nên nguyên đơn khởi kiện. Tính đến ngày 14/8/2024, ông Trần Ngọc T đã trễ hạn không thanh toán các khoản tiền như sau:

Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.353.831 đồng; tiền lãi phát sinh trong hạn: 5.514.319 đồng; tiền lãi trên nợ gốc bị quá hạn: 16.712.505 đồng; tiền lãi chậm trả: 851.789 đồng (các khoản lãi trên được tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày 14/8/2024). Tổng cộng là: 34.194.554 đồng. Nay, Công ty T2 yêu cầu cá nhân ông Trần Ngọc T thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên. Đồng thời, ông T phải thanh toán lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 2548668 từ ngày 15/8/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là bà Lâm Thị Thùy D vắng mặt, có đơn xin vắng mặt, có bản tự khai phù hợp với yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là ông Trần Ngọc T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác minh, thu thập chứng cứ; cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn; chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn trả số tiền còn nợ đến ngày xét xử 14/8/2024 là 44.432.444 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc theo hợp đồng chưa thanh toán là 21.353.831 đồng; tiền lãi phát sinh trong hạn: 5.514.319 đồng; tiền lãi trên nợ gốc bị quá hạn: 16.712.505 đồng; tiền lãi chậm trả: 851.789 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/8/2024 cho đến khi trả hết số nợ cho nguyên đơn theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện ông Trần Ngọc T có giao kết hợp đồng tín dụng (Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2548668 ngày 15/10/2021, xác nhận ngày 18/10/2021) với Công ty T2 (Việt Nam) - sau đây gọi tắt là Công ty T2. Do ông Trần Ngọc T vi phạm hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo hợp đồng tín dụng giữa hai bên và xác minh của Công an phường T, Quận A thì ông Trần Ngọc T có địa chỉ thường trú và đang cư trú tại số C Quốc lộ A, Khu phố B, phường T, Quận A. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty T2 do bà Lâm Thị Thùy D là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, ông Trần Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông Trần Ngọc T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 21.353.831 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng tín dụng (Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2548668 ngày 15/10/2021, xác nhận ngày 18/10/2021). Sau khi ký kết, Công ty T2 đã giải ngân và ông T đã nhận được tiền theo hợp đồng. Ông T thanh toán được 10 kỳ với tổng số tiền là 19.514.926 đồng (trong đó, nợ gốc 10.626.169 đồng) thì ngưng. Số nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 21.353.831 đồng. Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 8.1 Điều 8 của hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, toàn bộ dư nợ còn thiếu được chuyển sang nợ quá hạn theo từng kỳ (bắt đầu từ kỳ thứ 11 ngày 15/9/2022) và buộc bị đơn phải trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Theo thỏa thuận của hợp đồng thì ông T phải trả cho Công ty T2 từng phần nợ gốc theo từng kỳ thanh toán (24 kỳ) và tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng nhưng ông T không thực hiện nên khi đến hạn của từng kỳ trả nợ mà ông T không trả, Công ty T2 đã chuyển số tiền nợ gốc của kỳ hạn đó thành nợ quá hạn và tính lãi quá hạn theo lãi suất thỏa thuận tại khoản 8.3 Điều 8 của hợp đồng. Tính đến ngày xét xử 14/8/2024 thì tiền lãi phát sinh trong hạn: 5.514.319 đồng; tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 16.712.505 đồng; tiền lãi chậm trả: 851.789 đồng theo bản Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng đến ngày 14/8/2024 do nguyên đơn cung cấp. Việc nguyên đơn tính lãi quá hạn trên nợ gốc theo từng kỳ trả nợ quá hạn (không phải trên toàn bộ số nợ gốc quá hạn từ thời điểm bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ, ngày 14/8/2022) là có lợi cho bị đơn và cũng phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

[6] Xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 40, Điều 385, Điều 401, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

*Tuyên xử:*

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 (Việt Nam):**

1.1. Buộc ông **Trần Ngọc T** có trách nhiệm trả cho **Công ty T2** (Việt Nam) số tiền nợ tính đến ngày 14/8/2024 phát sinh từ “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 2548668 ngày 15/10/2021, xác nhận ngày 18/10/2021 là: 44.432.444 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng); trong đó: Nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.353.831 đồng (Hai mươi một triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi một đồng); tiền lãi phát sinh trong hạn: 5.514.319 đồng (Năm triệu, năm trăm mười bốn nghìn, ba trăm mười chín đồng); tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 16.712.505 đồng (Mười sáu triệu, bảy trăm mười hai nghìn, năm trăm lẻ năm đồng); tiền lãi chậm trả: 851.789 đồng (Tám trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi chín đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông **Trần Ngọc T** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông **Trần Ngọc T** phải thanh toán cho nguyên đơn cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

**2. Về án phí:**

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 2.221.622 đồng (Hai triệu, hai trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm hai mươi hai đồng) do ông **Trần Ngọc T** chịu;

2.2. Trả lại cho **Công ty T2** (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 793.627 đồng (Bảy trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng) theo Biên lai thu số 0031254 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Điệp**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Điệp**